

Số: **20** /2017/NQ-HĐND

Long An, ngày **14** tháng 7 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

Ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN
KHÓA IX – KỲ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020;

Sau khi xem xét Tờ trình số 109/TTr-UBND ngày 13/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Long An; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Long An (có quy định kèm theo).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực, các Ban, Tổ Đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Long An khóa IX, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2017 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2017./.

Nơi nhận:

- UB Thường vụ Quốc hội (b/c);
- Chính phủ (b/c);
- VP.QH, VP.CP “TP.HCM” (b/c);
- Ban Công tác đại biểu của UBTWQH (b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Bộ Kế hoạch – Đầu tư;
- TT.TU (b/c);
- Đại biểu QH đơn vị tỉnh Long An;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa IX;
- UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Các sở ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT.HĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố;
- VP.UBND tỉnh;
- LĐ và CV VP. HĐND tỉnh;
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Phòng Công báo - VP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Phạm Văn Rạng

QUY ĐỊNH

**Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển
từ nguồn ngân sách nhà nước cho các huyện, thị xã, thành phố
giai đoạn 2016 - 2020**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết 20 /2017/NQ-HĐND
Ngày 14 tháng 7 năm 2017 của HĐND tỉnh Long An)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 là căn cứ để lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 của các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước. Đồng thời, là căn cứ để quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ngành tỉnh, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị sử dụng kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 (dưới đây gọi tắt là các sở, ngành tỉnh và địa phương).

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trong giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách trung ương thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020

1. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 phải tuân thủ các quy định của Luật đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các sở, ngành tỉnh và các cấp chính quyền địa phương.

3. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước nhằm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020.

4. Ưu tiên bố trí vốn cho các xã vùng biên giới, bãi ngang ven biển, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, góp phần thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng trong tỉnh.

5. Bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Tiêu chí phân bổ vốn

Tiêu chí phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp cho các huyện, thị xã, thành phố gồm 03 nhóm sau đây:

1. Tiêu chí xã biên giới.
2. Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo và quy mô hộ nghèo.
3. Tiêu chí về tỷ lệ dân tộc thiểu số.

Điều 5. Xác định hệ số của từng tiêu chí theo từng Dự án

1. Chương trình hỗ trợ cho các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển

a) Tiêu dự án 1. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển

- Phạm vi và đối tượng hỗ trợ: Các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Định mức phân bổ:

+ Về vốn đầu tư phát triển: Định mức phân bổ hoạt động hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển: vốn ngân sách Trung ương 01 tỷ đồng/xã/năm (trong quá trình thực hiện, tùy thuộc vào khả năng cân đối ngân sách trung ương, tăng hoặc giảm định mức phân bổ vốn đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo cho phù hợp với khả năng cân đối vốn). Vốn ngân sách địa phương đối ứng tối thiểu 15%

+ Về kinh phí sự nghiệp duy tu bảo dưỡng: Bằng 6,3% tổng vốn hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng/xã/năm.

b) Tiêu dự án 2. Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển (kinh phí sự nghiệp)

- Phạm vi hỗ trợ: Các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đối tượng:

+ Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, ưu tiên hộ nghèo dân tộc thiểu số và phụ nữ thuộc hộ nghèo;

+ Nhóm hộ, cộng đồng dân cư trên địa bàn;

+ Tổ chức và cá nhân có liên quan;

+ Tạo điều kiện để người lao động là đối tượng sau cai nghiện ma túy, đối tượng nhiễm HIV/AIDS, phụ nữ bị buôn bán trở về... thuộc hộ nghèo được tham gia dự án.

- Định mức phân bổ: Định mức phân bổ hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất và nhân rộng mô hình cho xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo: 0,3 tỷ đồng/xã/năm.

2. Chương trình 135

a) Các tiêu chí cụ thể

- Tiêu chí về xã (xã biên giới);

- Tiêu chí về tỷ lệ hộ nghèo;

- Tiêu chí về tỷ lệ dân tộc thiểu số.

b) Cách tính hệ số các tiêu chí

- Tiêu chí về xã:

Đối với xã	Hệ số (H1)
Cứ mỗi xã biên giới được tính	10

Xã biên giới theo Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt, loại trừ xã đã đạt chuẩn nông thôn mới.

- Tiêu chí về tỷ lệ hộ nghèo:

Tỷ lệ hộ nghèo của huyện	Hệ số (H2)
Thấp hơn tỷ lệ chung của tỉnh	0
Từ bằng cho đến 1,5 lần tỷ lệ chung của tỉnh	0,02
Từ trên 1,5 lần đến 2 lần tỷ lệ chung của tỉnh	0,03
Từ trên 2 lần đến 2,5 lần tỷ lệ chung của tỉnh	0,04
Cao hơn 2,5 lần tỷ lệ chung của tỉnh	0,05

Tỷ lệ hộ nghèo của huyện để tính toán hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2017 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Tiêu chí về tỷ lệ người dân tộc thiểu số:

Tỷ lệ dân tộc thiểu số	Hệ số (H3)
Dưới 2%	0,03
Từ 2% đến 5%	0,04
Trên 5%	0,05

c) Phương pháp tính mức vốn được phân bổ

Căn cứ vào các tiêu chí trên để tính ra số Hệ số của từng huyện, thị xã; tổng Hệ số của các huyện, thị xã thực hiện Chương trình 135 sử dụng ngân sách trung ương làm căn cứ phân bổ vốn như sau:

- Phương pháp tính:

Tổng hệ số các nội dung của 1 huyện, thị xã, thành phố (Y)

$$Y = H1 \times (1 + H2 + H3).$$

Tổng Hệ số của Chương trình (N)

$N =$ Tổng Hệ số của các huyện, thị xã, thành phố cộng lại.

Tổng mức vốn được phân bổ của Chương trình (M)

$M =$ Tổng vốn đầu tư phát triển + Tổng kinh phí sự nghiệp.

- Xác định mức phân bổ vốn:

Mức vốn bình quân phân bổ cho 01 Hệ số (K)

$$K = M : N$$

- Số vốn phân bổ cho từng huyện, thị xã, thành phố (X):

$$X = K \times Y$$

3. Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 135 và Chương trình hỗ trợ cho các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển (kinh phí sự nghiệp)

a) Phạm vi hỗ trợ: Các xã ngoài Chương trình 135 và Chương trình hỗ trợ cho các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển.

b) Đối tượng hỗ trợ:

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, ưu tiên hộ nghèo dân tộc thiểu số và phụ nữ thuộc hộ nghèo;

- Nhóm hộ, cộng đồng dân cư;
- Tổ chức và cá nhân có liên quan;
- Tạo điều kiện để người lao động là đối tượng sau cai nghiện ma túy, đối tượng nhiễm HIV/AIDS, phụ nữ bị buôn bán trở về... thuộc hộ nghèo được tham gia dự án.

c) Tiêu chí cụ thể:

- Tỷ lệ hộ nghèo
 - + Huyện, thị xã, thành phố có tỷ lệ hộ nghèo dưới 3%: Hệ số 0,5;
 - + Huyện, thị xã, thành phố có tỷ lệ hộ nghèo từ 3% đến dưới 5%: Hệ số 0,55;
 - + Huyện, thị xã, thành phố có tỷ lệ hộ nghèo từ 5% trở lên: Hệ số 0,6.
- Quy mô hộ nghèo
 - + Huyện, thị xã, thành phố có quy mô hộ nghèo dưới 700 hộ: Hệ số 0,5;
 - + Huyện, thị xã, thành phố có quy mô hộ nghèo từ 700 hộ đến dưới 1.200 hộ: Hệ số 0,6;
 - + Huyện, thị xã, thành phố có quy mô hộ nghèo từ 1.200 hộ trở lên: Hệ số 0,7.

Tỷ lệ hộ nghèo và quy mô hộ nghèo của tỉnh để tính toán hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2017 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

d) Định mức phân bổ:

Tổng vốn bố trí cho một huyện, thị xã, thành phố = $A \times N \times X$

Trong đó:

A: Định mức bình quân cho một xã (triệu đồng)

N: Số xã ngoài Chương trình 135 trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố.

X: Tổng các hệ số theo 02 tiêu chí (hệ số theo tỷ lệ hộ nghèo + hệ số theo quy mô hộ nghèo).

4. Dự án 4. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin (kinh phí sự nghiệp)

a) Phạm vi hỗ trợ: Các sở, ngành tỉnh và địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020, ưu tiên vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, bãi ngang ven biển

b) Đối tượng hỗ trợ:

- Người dân, cộng đồng dân cư;
- Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

c) Tiêu chí cụ thể:

(1) Hoạt động truyền thông về giảm nghèo:

- Tỷ lệ hộ nghèo

+ Huyện, thị xã, thành phố có tỷ lệ hộ nghèo dưới 3%: Hệ số 0,5;

+ Huyện, thị xã, thành phố có tỷ lệ hộ nghèo từ 3% đến dưới 5%: Hệ số 0,55;

+ Huyện, thị xã, thành phố có tỷ lệ hộ nghèo từ 5% trở lên: Hệ số 0,6.

- Quy mô hộ nghèo

+ Huyện, thị xã, thành phố có quy mô hộ nghèo dưới 700 hộ: Hệ số 0,5;

+ Huyện, thị xã, thành phố có quy mô hộ nghèo từ 700 hộ đến dưới 1.200 hộ: Hệ số 0,6;

+ Huyện, thị xã, thành phố có quy mô hộ nghèo từ 1.200 hộ trở lên: Hệ số 0,7.

Tỷ lệ hộ nghèo và quy mô hộ nghèo của tỉnh để tính toán hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2017 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

(2) Hoạt động giảm nghèo về thông tin:

- Tỷ lệ hộ nghèo

+ Huyện, thị xã, thành phố có tỷ lệ hộ nghèo dưới 3%: Hệ số 0,5;

+ Huyện, thị xã, thành phố có tỷ lệ hộ nghèo từ 3% đến dưới 5%: Hệ số 0,55;

+ Huyện, thị xã, thành phố có tỷ lệ hộ nghèo từ 5% trở lên: Hệ số 0,6.

- Quy mô hộ nghèo

+ Huyện, thị xã, thành phố có quy mô hộ nghèo dưới 700 hộ: Hệ số 0,5;

+ Huyện, thị xã, thành phố có quy mô hộ nghèo từ 700 hộ đến dưới 1.200 hộ: Hệ số 0,6;

+ Huyện, thị xã, thành phố có quy mô hộ nghèo từ 1.200 hộ trở lên: Hệ số 0,7.

Tỷ lệ hộ nghèo và quy mô hộ nghèo của tỉnh để tính toán hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2017 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

d) Định mức phân bổ:

(1) Hoạt động truyền thông về giảm nghèo:

Tổng vốn bố trí cho một huyện, thị xã, thành phố = $(A+B \times \text{tổng số xã}) \times X$

Trong đó:

A: Định mức bình quân cho một huyện, thị xã, thành phố (triệu đồng).

B: Định mức bình quân cho một xã (triệu đồng).

X: Tổng các hệ số theo 02 tiêu chí (hệ số theo tỷ lệ hộ nghèo + hệ số theo quy mô hộ nghèo).

(2) giảm nghèo về thông tin:

Tổng vốn bố trí cho một huyện, thị xã, thành phố = $(A+B \times \text{tổng số xã}) \times X$

Trong đó:

A: Định mức bình quân cho một huyện, thị xã, thành phố (triệu đồng).

B: Định mức bình quân cho một xã (triệu đồng).

X: Tổng các hệ số theo hai tiêu chí (hệ số theo tỷ lệ hộ nghèo + hệ số theo quy mô hộ nghèo).

5. Dự án 5. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình (kinh phí sự nghiệp)

a) Phạm vi hỗ trợ: Các sở, ngành tỉnh, địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020, ưu tiên vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo ven biển.

b) Đối tượng hỗ trợ:

- Đối với hoạt động nâng cao năng lực: Cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp (cán bộ ấp, đại diện cộng đồng, lãnh đạo tổ nhóm, cán bộ chi hội đoàn thể, cộng tác viên giảm nghèo, người có uy tín), ưu tiên nâng cao năng lực cho cán bộ nữ;

- Đối với công tác giám sát đánh giá: Cơ quan chủ trì Chương trình các cấp, các cơ quan chủ trì các dự án thành phần/nội dung trong các dự án thành phần các cấp và các cán bộ được phân công phụ trách và tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá;

- Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

c) Tiêu chí phân bổ: Bố trí kinh phí cho các huyện chưa tự cân đối được ngân sách trên địa bàn, ưu tiên các huyện có tỷ lệ cân đối ngân sách dưới 50% và tỷ lệ nghèo trên 8%;

- Tỷ lệ hộ nghèo

- + Huyện, thị xã, thành phố có tỷ lệ hộ nghèo dưới 3%: Hệ số 0,5;

- + Huyện, thị xã, thành phố có tỷ lệ hộ nghèo từ 3% đến dưới 5%: Hệ số 0,55;

- + Huyện, thị xã, thành phố có tỷ lệ hộ nghèo từ 5% trở lên: Hệ số 0,6.

- Quy mô hộ nghèo

- + Huyện, thị xã, thành phố có quy mô hộ nghèo dưới 700 hộ: Hệ số 0,5;

- + Huyện, thị xã, thành phố có quy mô hộ nghèo từ 700 hộ đến dưới 1.200 hộ: Hệ số 0,6;

- + Huyện, thị xã, thành phố có quy mô hộ nghèo từ 1.200 hộ trở lên: Hệ số 0,7.

Tỷ lệ hộ nghèo và quy mô hộ nghèo của huyện để tính toán hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2017 theo

chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

d) Định mức phân bổ:

Tổng vốn bố trí cho một huyện, thị xã, thành phố = $(A+B \times \text{tổng số xã}) \times X$

Trong đó:

A: Định mức bình quân cho một huyện, thị xã, thành phố (triệu đồng).

B: Định mức bình quân cho một xã (triệu đồng).

X: Tổng các hệ số theo 02 tiêu chí (hệ số theo tỷ lệ hộ nghèo + hệ số theo quy mô hộ nghèo).

Điều 6. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020

1. Ngoài nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách trung ương, căn cứ vào tình hình thực tế, khả năng cân đối ngân sách, các huyện, thị xã bố trí vốn từ ngân sách huyện, thị xã hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững theo mục tiêu kế hoạch hằng năm và 5 năm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó, ưu tiên vốn bố trí thêm nguồn vốn cho các xã nghèo được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Quy định tỷ lệ đối ứng từ ngân sách huyện, thị xã:

Các huyện, thị xã cân đối ngân sách đối ứng hàng năm tối thiểu từ 15% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình./.

CHỦ TỊCH



Phạm Văn Rạng